TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM KHÊ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/DS-ST
Ngày 16 tháng 01 năm 2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ – TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Huyền.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn V Tú và bà Nguyễn Thị Thúy Hòa.
***- Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Hải Phú - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 16/01/2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-DS ngày 05/01/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Hồng V, sinh năm 1976. Địa chỉ: Khu S, xã H, huyện C, tỉnh P.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1979 và chị Đặng Thị H, sinh năm 1986. Đều trú tại: Khu Hương Chan 2, xã Hương Lung, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

(Anh V, anh B có mặt; Chị H xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1, Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Lê Hồng V trình bày: Anh và anh Nguyễn Văn B, chị Đặng Thị H có mối quan hệ là người cùng xã có quen biết nhau. Ngày 29/8/2022 anh B và chị H đến nhà anh đặt vấn đề với anh là muốn vay tiền để sử dụng vào công việc gia đình. Anh đồng ý cho anh B, chị H vay số tiền 155.000.000đ (Một trăm năm mươi lăm triệu đồng). Anh và anh B, chị H đã thỏa thuận với nhau số tiền vay gốc vay là 155.000.000đ (Một trăm năm mươi lăm triệu đồng). Thời hạn trả nợ là 01 tháng kể từ ngày vay nợ, tiền lãi 1,5%/01 tháng. Anh B đã viết Giấy biên nhận vay tiền đề ngày 29/8/2022 ngay tại nhà anh, anh B và chị H đều ký tên xác nhận vào Giấy biên nhận vay tiền. Anh đã đưa trực tiếp số tiền 155.000.000đ (Một trăm năm mươi lăm triệu đồng) cho anh B, chị H. Số tiền anh cho anh B, chị H vay là tiền riêng của anh, do anh lao động tích cóp mà có. Đến thời điểm trả nợ như đã thỏa thuận là ngày 29/9/2022 anh B, chị H không trả tiền nợ gốc, lãi cho anh. Từ đó đến nay, anh đã nhiều lần đến nhà và gọi điện thoại cho anh B, chị H để đòi tiền nhưng anh B, chị H đều cố tình trốn tránh, không hợp tác để trả nợ. Nay anh yêu cầu anh B, chị H phải có trách nhiệm trả cho anh số tiền nợ gốc là 155.000.000đ (Một trăm năm mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi từ 29/8/2022 đến 16/01/2024 là 16 tháng 18 ngày. Cụ thể: 155.000.000đ x 0,833%/tháng x 16 tháng 18 ngày = 21.433.090đ. Tổng

gốc và lãi là: 176.433.090đ(Làm tròn là176.433.000đ). Anh yêu cầu anh B, chị H phải trả tiền lãi phát sinh cho anh từ ngày 17/01/2024 cho đến khi tất toán khoản vay theo quy định của pháp luật. Ngoài ra anh không có yêu cầu, đề nghị nào khác.

2, Bị đơn anh Nguyễn Văn B, tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Anh và chị H là vợ chồng, anh Lê Hồng V là người cùng xã có quen biết nhau. Ngày 29/8/2022 do có nhu cầu vay vốn để làm ăn nên anh và chị Đặng Thị H đã cùng nhau đến nhà anh Lê Hồng V để vay số tiền 155.000.000đ (Một trăm năm mươi lăm triệu đồng). Vợ chồng anh và anh V thỏa thuận với nhau số tiền vay gốc là 155.000.000đ (Một trăm năm mươi lăm triệu đồng). Thời hạn trả nợ là 01 tháng kể từ ngày vay nợ, tiền lãi 1,5 % / 01 tháng. Anh là người trực tiếp viết Giấy biên nhận vay tiền đề ngày 29/8/2022 ngay tại nhà anh V. Anh thừa nhận chữ viết và chữ ký trong Giấy biên nhận vay tiền là đúng chữ viết và chữ ký của anh, chị H cũng cùng ký vào giấy biên nhận vay tiền trên. Đến thời điểm trả nợ như đã thỏa thuận là ngày 29/9/2022 do làm ăn thua lỗ nên vợ chồng anh chưa có tiền trả nợ cho anh V. Nay anh V yêu cầu anh và chị H phải trả cho anh V số tiền nợ gốc là 155.000.000đ (Một trăm năm mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi từ 29/8/2022 đến 16/01/2024 là 16 tháng 18 ngày. Cụ thể: 155.000.000đ x 0,833%/tháng x 16 tháng 18 ngày = 21.433.090đ. Tổng gốc và lãi là: 176.433.090đ (Làm tròn là 176.433.000đ). Anh nhất trí cùng chị Đặng Thị H trả cho anh V số tiền nợ gốc và lãi trên. Tuy nhiên, do làm ăn thua lỗ nên anh không có tiền để trả ngay cho anh V một lần. Anh đề nghị được trả dần dần, mỗi tháng vợ chồng anh trả cho anh V 5.000.000đ (Năm triệu đồng), kể từ tháng 01/2024 cho đến khi trả hết nợ. Ngoài ra, anh không có yêu cầu hay đề nghị gì khác.

3, Bị đơn chị Đặng Thị H trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Chị và anh B là vợ chồng, anh Lê Hồng V là người cùng xã có quen biết nhau. Ngày 29/8/2022, do có nhu cầu vay vốn để làm ăn và sử dụng vào việc gia đình nên chị và anh B đã cùng nhau đến nhà anh Lê Hồng V để vay số tiền 155.000.000đ (Một trăm năm mươi lăm triệu đồng). Vợ chồng chị và anh V thỏa thuận với nhau số tiền vay gốc là 155.000.000đ (Một trăm năm mươi lăm triệu đồng). Thời hạn trả nợ: 01 tháng kể từ ngày vay nợ, tiền lãi 1,5 % / 01 tháng. Anh B đã trực tiếp viết Giấy biên nhận vay tiền đề ngày 29/8/2022 ngay tại nhà anh V. Chị xác nhận chữ viết và chữ ký trong Giấy biên nhận vay tiền là đúng chữ viết và chữ ký của anh Nguyễn Văn B. Đến thời điểm trả nợ như đã thỏa thuận là ngày 29/9/2022, do làm ăn thua lỗ nên vợ chồng chị chưa có tiền trả nợ cho anh V. Chị xác nhận kể từ ngày vay là ngày 29/8/2022 đến nay vợ chồng chị chưa trả cho anh V số tiền gốc và tiền lãi nào. Nay anh V yêu cầu vợ chồng chị phải trả cho anh V số tiền trên. Chị xác nhận số tiền nợ trên là nợ chung của vợ chồng chị. Chị nhất trí cùng anh B trả cho anh V số tiền nợ gốc là 155.000.000đ (Một trăm năm mươi lăm triệu đồng). Tuy nhiên, do làm ăn thua lỗ nên vợ chồng chị không có tiền để trả nợ cho anh V một lần. Chị đề nghị được trả dần, mỗi tháng vợ chồng chị trả nợ cho anh V 5.000.000đ (Năm triệu đồng), kể từ tháng 01/2024 cho đến khi trả hết nợ. Đối với số tiền lãi chị đề nghị anh V cho vợ chồng chị xin tiền lãi, nếu anh V không đồng ý thì chị đề nghị Tòa án giải quyết về tiền lãi theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, tôi không có yêu cầu hay đề nghị gì khác.

6, Tại biên bản xác minh ngày 05/01/2024 đại diện Ủy ban nhân dân xã Hương Lung cung cấp như sau: Anh B, chị H là vợ chồng và đều có hộ khẩu thường trú tại khu Hương Chan 2, xã Hương Lung, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Nay anh V khởi kiện anh B, chị H địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án về cơ bản đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tuy nhiên Tòa án gửi hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu chưa đảm bảo thời gian theo quy định tại khoản 2, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án.

Đề nghị áp dụng căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Khoản 1 Điều 147; khoản 1, Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; điểm b, khoản 1 Điều 24, Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Hồng V.

- Buộc anh Nguyễn Văn B và chị Đặng Thị H phải trả cho anh Lê Hồng V số tiền còn nợ tính đến ngày 16/01/2024 là 176.433.000đ (Một trăm bảy mươi sáu triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn đồng). Trong đó nợ gốc là 155.000.000đ, nợ lãi tính từ ngày vay 27/8/2022 đến ngày ngày xét xử sơ thẩm 16/01/2024 là 16 tháng 18 ngày là 21.433.000đ và tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Nếu không có thỏa thuận về mức lãi xuất thì quyết định về mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành án xong. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Văn B và chị Đặng Thị H phải chịu 8.821.650đồng (Tám triệu tám trăm hai mươi mốt nghìn sáu trăm năm mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

H trả cho anh Lê Hồng V số tiền 3.875.000đ (Ba triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Ngày 18/10/2023 Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của anh Lê Hồng V tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với anh Nguyễn Văn B và chị Đặng Thị H cư trú tại khu Hương Chan 2, xã Hương Lung, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của của đương sự: Bị đơn chị Đặng Thị H có quan điểm xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn anh Lê Hồng V về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn B và chị Đặng Thị H phải trả cho anh V số tiền gốc vay theo Giấy biên nhận vay tiền đề ngày 29/8/2022 là 155.000.000đ (Một trăm năm mươi lăm triệu đồng). Bị đơn anh B, chị H đều thừa nhận có nợ anh B số tiền nợ gốc trên là đúng. Nay anh B, chị H đều nhất trí sẽ có trách nhiệm trả cho anh V số tiền trên nhưng do khó khăn nên xin được trả dần mỗi tháng trả 5.000.000đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng việc anh V cho anh B, chị H vay số tiền trên là có thật vì anh B, chị H cũng đều đã thừa nhận anh V có cho anh chị vay số tiền trên là đúng. Anh V đã cung cấp được cho Tòa án Giấy biên nhận vay tiền ngày 29/8/2022, số tiền vay là 155.000.000đ. Anh B, chị H đều thừa nhận nội dung, chữ viết, chữ ký của anh B, chị H trong giấy biên nhận là đúng. Như vậy có căn cứ để xác định đến nay số tiền gốc anh B, chị H còn nợ anh V là 155.000.000đ nên cần buộc anh B, chị H phải có nghĩa vụ trả cho anh V số tiền 155.000.000đ (Một trăm năm mươi lăm triệu đồng) là phù hợp.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả lãi đối với số tiền nợ với lãi xuất là 0,833%/tháng là phù hợp với khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự nên chấp nhận. Cần buộc anh B, chị H phải trả cho anh V số tiền lãi tính từ 29/8/2022 đến 16/01/2024 là 16 tháng 18 ngày. Cụ thể: 155.000.000đ x 0,833%/tháng x 16 tháng 18 ngày = 21.433.090đ là phù hợp.

[2.3] Xét về phương thức, thời hạn trả nợ: Anh B, chị H xin trả dần số tiền còn nợ mỗi tháng là 5.000.000đ (Năm triệu đồng), kể từ tháng 01/2024 cho đến khi trả hết nợ, anh V không đồng ý. Các bên không thỏa thuận được thời gian trả nợ. Xét thấy việc anh B, chị H đưa ra các lý do trên là không thực tâm, không có tính khả thi nên cần buộc anh B, chị H phải trả cho cho anh V số tiền nợ trên là phù hợp.

[2.4] Xét về nghĩa vụ trả nợ: Số tiền trên anh V xác nhận cho cả anh B, chị H vay. Phía anh B, chị H cũng thừa nhận số tiền trên hai vợ chồng anh vay của anh V để giải quyết một số công việc gia đình là nợ chung của vợ chồng. Do vậy cần xác định đây là nợ chung của vợ chồng anh B, chị H là phù hợp.

[3] Từ những phân tích trên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc anh B, chị H phải có nghĩa vụ trả cho anh V số tiền nợ gốc là 155.000.000đ (Một trăm năm mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi từ 29/8/2022 đến 16/01/2024 là 16 tháng 18 ngày. Cụ thể: 155.000.000đ x 0,833%/tháng x 16 tháng 18 ngày = 21.433.090đ. Tổng gốc và lãi là: 176.433.090đ(Làm tròn là176.433.000đ) là phù hợp.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. H trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Khoản 1 Điều 147; khoản 1, Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; điểm b, khoản 1 Điều 24, Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Xử:

[1], Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Hồng V.

Buộc anh Nguyễn Văn B và chị Đặng Thị H phải trả cho anh Lê Hồng V số tiền còn nợ tính đến ngày 16/01/2024 là 176.433.000đ (Một trăm bảy mươi sáu triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn đồng). Trong đó nợ gốc là 155.000.000đ, nợ lãi tính từ ngày vay 27/8/2022 đến ngày ngày xét xử sơ thẩm 16/01/2024 là 16 tháng 18 ngày là 21.433.000đ và tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Nếu không có thỏa thuận về mức lãi xuất thì quyết định về mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành án xong. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[2], Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Văn B và chị Đặng Thị H phải chịu 8.821.650đồng (Tám triệu tám trăm hai mươi mốt nghìn sáu trăm năm mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

H trả cho anh Lê Hồng V số tiền 3.875.000đ (Ba triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004716 ngày 18/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm khê, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự (có mặt) tại phiên toà biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết bản án để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ toạ phiên tòa

Đinh Thị Thu Huyền

Nơi nhận:
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HS - VP.